**TẬP HUẤN QUY ĐỊNH VỀ XÃ, PHƯỜNG ĐẠT CHUẨN**

**TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

**PHẦN I: THỰC TIỄN CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Ngày 08 tháng 5 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Quyết định số 619/QĐ-TTg). Qua hơn 04 năm thực hiện, Quyết định số 619/QĐ-TTg đã góp phần hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở pháp lý để triển khai đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên cả nước, giúp chính quyền cấp xã tăng cường trách nhiệm trong quản lý nhà nước, tổ chức thi hành pháp luật và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Qua đó, các chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật của của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền, phổ biến kịp thời, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của Nhân dân. Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở được quan tâm, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được chú trọng, thực hiện nghiêm túc. Cơ sở làm việc của chính quyền các xã, phường, thị trấn được cải thiện đáng kể...

Tại Thừa Thiên Huế, xác định vị trí, vai trò của công tác xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là nhiệm vụ thường xuyên, có tác động trực tiếp đến việc nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở, hằng năm, Sở Tư pháp đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện đánh giá, công nhận, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; các văn bản hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch và tổ chức đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đảm bảo thời hạn, yêu cầu. Trên cơ sở đó, các huyện, thị xã, thành phố Huế xây dựng kế hoạch thực hiện nhằm hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phù hợp với tình hình và điều kiện của từng địa phương.

Trong những năm qua, công tác thông tin, tuyên truyền về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật không ngừng được đẩy mạnh với nhiều hình thức, như: thông qua các tài liệu pháp luật, tờ gấp, loa truyền thanh ở cơ sở, lồng ghép vào các hội nghị, hội thảo có liên quan...Đặc biệt, nhiều địa phương đã tawngc ường ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua Trang thông tin điện tử (*UBND xã Vinh Xuân – huyện Phú Vang, UBND xã Quảng Công – huyện Quảng Điền, UBND xã Hương Lộc - huyện Nam Đông..v..vv..*) đã góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Thông qua việc trực tiếp thẩm định tiêu chí 18.5 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho thấy cơ bản các đơn vị đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tuy nhiên trong thiết lập hồ sơ và phương pháp tổ chức đánh giá, một số đơn vị chưa bảo đảm yêu cầu và tính khoa học, Sở Tư pháp đã hướng dẫn, chấn chỉnh để nâng cao hiệu quả thực hiện trong thời gian tới.

Việc triển khai hiệu quả công tác xây dựng, đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn tác động tích cực tới công tác hòa giải ở cơ sở. Theo thống kê, toàn tỉnh hiện có 1.121 Tổ hòa giải với 6.614 hòa giải viên tại các thôn, tổ dân phố. Kết quả hòa giải thành trong các năm từ 2019 đến năm 2021 đều chiếm tỷ lệ trên 80%. Trong đó, nhiều địa phương có tỉ lệ hoà giải thành đạt cao (trên 85%) như: huyện Nam Đông, huyện Phú Lộc, huyện A Lưới…

**II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Nhìn chung, công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg có những thuận lợi, do đó các địa phương về cơ bản đã đáp ứng các điều kiện theo quy định. Điều này thể hiện qua kết quả đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn toàn tỉnh trong những năm gần đây đều có xu hướng tăng và duy trì ổn định. (*Cụ thể: năm 2017 có: 111/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đạt tỷ lệ 73%; năm 2018: có 124/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đạt tỷ lệ 81,6%; năm 2019 có 135/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đạt tỷ lệ 88,8%; năm 2020 có 139/145 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đạt tỷ lệ 95,8%; năm 2021 có 135/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đạt tỷ lệ 95,7%*). Các địa phương có 100% cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong năm 2021 gồm: huyện Phú Lộc, huyện Phú Vang, huyện Phong Điền, thị xã Hương Thủy và thành phố Huế. Cũng trong năm 2021, nhờ thực hiện tốt công tác trên, thị xã Hương Thủy đã trở thành địa phương đầu tiên được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; xã Hương Xuân và xã Hương Lộc – huyện Nam Đông được xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đầu tiên trên địa bàn tỉnh.

**III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

Bên cạnh kết quả đã đạt được, công tác triển khai thực hiện đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại các địa phương còn những khó khăn, hạn chế như: sự phối hợp giữa các cơ quan, địa phương trong công tác đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật có nơi còn chưa chặt chẽ; nguồn lực để thực hiện chưa được đảm bảo. Chính quyền cơ sở tại một số địa phương vẫn chưa có sự quan tâm, đầu tư đúng mức trong công tác chỉ đạo thực hiện xây dựng, đánh giá xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; công tác đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hiện nay chủ yếu giao cho công chức Tư pháp – hộ tịch thực hiện. Tuy nhiên, công tác hộ tịch, chứng thực là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, đồng thời công chức Tư pháp – hộ tịch hiện nay phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác, do đó công tác tham mưu, triển khai xây dựng và tự đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chưa được đảm bảo; đời sống của người dân có nơi còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn hạn chế, dẫn tới ý thức chấp hành quy định pháp luật chưa cao.

Ngoài những nguyên nhân chủ quan như: (1) Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của một số cơ quan, địa phương có lúc chưa kịp thời. Sự phối hợp giữa các ngành chưa thường xuyên, đồng bộ, các công việc chủ yếu do ngành Tư pháp thực hiện. (2) Chưa phát huy tốt vai trò của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện trong tư vấn, tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. (3) Một số đơn vị chưa đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền pháp luật cho người dân để thích ứng với tình hình thực tế; chưa thực hiện niêm yết công khai kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật tại trụ sở làm việc, nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng theo đúng quy định. Bên cạnh đó, việc đánh giá tiếp cận pháp luật còn chậm, chưa đảm bảo thời gian theo yêu cầu; còn lúng túng trong đánh giá, chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí chỉ tiêu tiếp cận pháp luật…sau 04 năm áp dụng vào thực tiễn, Quyết định số 619/QĐ-TTg cũng đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế như:

- Nội dung của một số chỉ tiêu còn chung chung, chưa rõ nội dung cụ thể, khó triển khai trong thực tiễn, khó thu thập tài liệu kiểm chứng (chỉ tiêu 1 tiêu chí 1 “Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao”, chỉ tiêu 9 tiêu chí 3 “Bố trí đủ kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật”, chỉ tiêu 3 tiêu chí 4 “Bố trí đủ kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở”..) hoặc có chỉ tiêu quy định còn hình thức, chưa thực chất, định tính nên khó chấm điểm (chỉ tiêu 6 tiêu chí 3 “triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật”; ...)

- Đối với nội dung “Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra” cũng là một vướng mắc do một số địa phương chưa phân biệt rõ vi phạm pháp luật theo quy định của Luật cán bộ công chức với các quy định của các tổ chức chính trị, xã hội. Nên việc xác định điều kiện về không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ gặp nhiều lúng túng hoặc chưa có cơ chế thu hồi quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi phát hiện vi phạm trong thực thi công vụ.

- Việc quy định tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt dựa trên phân loại cấp xã loại I, loại II và loại III là chưa phù hợp, bởi lẽ việc phân loại cấp xã dựa trên các căn cứ như dân số, diện tích,... sẽ rất khó khăn để thực hiện, nhất là những xã loại I thường có số dân đông, diện tích rộng do vậy, đối với quy định này cần sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định chung, nên quy định ở mức tỷ lệ % trên số điểm tối đa cho phù hợp.

- Quyết định 619/QĐ-TTg nêu rõ quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 7), quy định cụ thể thời hạn hoàn thành của cấp xã, cấp huyện, tuy nhiên, chưa quy định thời hạn của cấp tỉnh. Điều này dẫn đến sự thiếu thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện. Để bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng, cần thiết phải quy định cụ thể thời hạn để cấp tỉnh trong việc chỉ đạo, quyết định giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hằng năm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Một số chỉ tiêu, tiêu chí quy định tại Điều 5, Quyết định 619/QĐ-TTg còn chưa phù hợp như: Chỉ tiêu Tủ sách pháp luật. Tiêu chí này được xây dựng dựa trên Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg được thay thế bởi Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 Thủ tướng Chính phủ, trong đó có những quy định mới so với Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg. Do đó, cần sửa đổi tiêu chí về Tủ sách pháp luật theo Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg để triển khai.

- Việc thẩm định các xã về đích nông thôn mới theo quy định tại Điều 6, Thông tư 07/2017/TT-BTP quy định "Trong trường hợp việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới được tổ chức đồng thời với đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm đánh giá" hoặc "Trong trường hợp việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới được tổ chức trước thời điểm đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm trước liền kề năm đánh giá hoặc sử dụng kết quả của năm đánh giá nhưng phải tuân thủ quy định tại Quyết định số [619/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/quyet-dinh-619-qd-ttg-2017-xay-dung-xa-phuong-thi-tran-dat-chuan-tiep-can-phap-luat-348636.aspx)" trong khi thời điểm đánh giá theo quy định tại khoản 1, Điều 7, Quyết định [619/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/quyet-dinh-619-qd-ttg-2017-xay-dung-xa-phuong-thi-tran-dat-chuan-tiep-can-phap-luat-348636.aspx)  tính từ ngày 01/01 đến hết 31/12. Quy định như vậy sẽ gây khó khăn cho các xã về đích nông thôn mới mà năm trước liền kề không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hơn nữa trong năm mà xã xây dựng nông thôn mới lại vi phạm các quy định về điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 6, Quyết định 619) lại không đủ cơ sở để xem xét theo quy định, điều này tạo ra sự thiếu thống nhất khi thẩm định các xã về đích nông thôn mới.

- Quyết định số 619/QĐ-TTg được ban hành theo hình thức không phải văn bản quy phạm pháp luật nhưng lại chứa đựng nội dung có tính quy phạm, được áp dụng bắt buộc chung đối với các cơ quan, tổ chức trong phạm vi toàn quốc. Do đó, xét về hình thức văn bản, việc ban hành Quyết định chưa phù hợp với tinh thần của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020. Bên cạnh đó, việc tổ chức thực hiện Quyết định trên thực tế thời gian qua cho thấy do chưa được ban hành theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật, nên có nơi, có lúc, có địa phương triển khai nhiệm vụ được giao chưa nghiêm túc, chưa  đồng bộ, thống nhất, chỉ chú trọng gắn với đánh giá xã đạt nông thôn mới, dẫn đến hiệu quả chưa rõ nét...

Những bất cập, vướng mắc này đã khiến một số đơn vị cấp xã còn lúng túng trong đánh giá, chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, gây ảnh hưởng phần nào đến hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg. Thực tế đã thể hiện rằng, các quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Quyết định số 619/QĐ-TTg chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn và cần được sửa đổi, hoàn thiện kịp thời. Điều này đặt ra vấn đề cần phải ban hành văn bản mới nhằm khắc phục, điều chỉnh các tiêu chí, chỉ tiêu sao cho phù hợp với thực tiễn công tác đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật trong tình hình mới.

Từ những yêu cầu cấp thiết nêu trên, ngày 22 tháng 7 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, được áp dụng từ năm 2022 và thay thế Quyết định số 619/QĐ-TTg.

**PHẦN HAI: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 25/2021/QĐ-TTg**

**I. BỐ CỤC CỦA** **QUYẾT ĐỊNH SỐ 25/2021/QĐ-TTg**

Quyết định bao gồm 08 điều, quy định về:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- Nguyên tắc thực hiện.

- Tiêu chí xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức.

- Kinh phí thực hiện.

- Hiệu lực thi hành.

Các điều trong Quyết định được thiết kế bảo đảm logic, phù hợp, nhất quán với cách tiếp cận, mục tiêu thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật. Các tiêu chí tập trung vào trách nhiệm thực hiện của chính quyền địa phương cấp xã trong bảo đảm, thực hiện các quyền con người, quyền công dân với trọng tâm là xây dựng, ban hành các văn bản để tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn; bảo đảm cho người dân tiếp cận thông tin, thực hiện dân chủ ở cơ sở, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, thi hành pháp luật, qua đó xây dựng tinh thần thượng tôn pháp luật, tạo môi trường sống của người dân được an toàn, lành mạnh, văn minh.

**II. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 25/2021/QĐ-TTG**

**1. Về tên gọi của Quyết định**

Tên gọi của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg được xây dựng theo hướng quy định khái quát, ngắn gọn, phù hợp với phạm vi, đối tượng áp dụng, bỏ từ “xây dựng” và sửa đổi thành Quyết định quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**2. Về tiêu chí xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định tiêu chí xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gồm 05 tiêu chí với 20 chỉ tiêu, là công cụ đo lường mức độ hoàn thành trách nhiệm được giao của chính quyền cấp xã trong tổ chức thi hành pháp luật, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ở cấp cơ sở. Trọng tâm là việc xây dựng và ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn; tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý; thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. So với Quyết định 619/QĐ-TTg, bộ tiêu chí lược bỏ 08 chỉ tiêu trùng lắp, không thuộc trách nhiệm của chính quyền cấp xã; 16 chỉ tiêu được kế thừa nhưng có sự chỉnh sửa để phù hợp, khả thi, đề cao tính đầy đủ, kịp thời, đúng quy định trong thực hiện trách nhiệm của chính quyền cấp xã; đồng thời bổ sung mới 04 chỉ tiêu theo hướng chú trọng tới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, sự gương mẫu của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ và chấp hành pháp luật, bảo đảm an toàn về an ninh, trật tự…nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người dân trong việc tiếp cận với pháp luật và các quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

**3. Về điều kiện xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phải đáp ứng đầy đủ 03 điều kiện: (i) Tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 80 điểm trở lên; (ii) Tổng số điểm của từng tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên; (iii) Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Điểm mới của quy định về điều kiện là áp dụng mức điểm tổng chung thống nhất, không phân loại cấp xã loại I, loại II và loại III nhằm bảo đảm sự công bằng cho người dân cả nước trong thụ hưởng quyền, lợi ích theo quy định của pháp luật. Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg cũng bỏ điều kiện về kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục hành chính ở cấp xã tại Quyết định số 619/QĐ-TTg vì trong thời gian vừa qua cho thấy việc thực hiện quy định này còn hình thức. Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tiếp tục thực hiện theo quy trình cấp xã tự đánh giá và cấp huyện đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Tuy nhiên, thời hạn thực hiện đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được sửa đổi theo hướng tăng cho cả cấp xã và cấp huyện, bảo đảm phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ được giao của từng cấp.

**4. Quy định một số nhiệm vụ mới cho các cơ quan, tổ chức trong đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định một số nhiệm vụ mới cho các cơ quan, tổ chức trong đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như:

- Bộ Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg trên phạm vi cả nước; hàng năm, tổng hợp kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, Bộ Tư pháp còn được giao một số nhiệm vụ mới về xây dựng, vận hành, quản lý phần mềm đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bảo đảm thuận tiện, minh bạch, công khai, tiết kiệm, dễ theo dõi, kiểm tra, giám sát; lựa chọn địa phương để tổ chức thực hiện đánh giá sự hài lòng của người dân về hiệu quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Giao UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hoặc việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật không đúng quy định pháp luật.

**III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 25/2021/QĐ-TTg**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)**

- Quy định nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (giảm 02 Điều).

- Quyết định áp dụng đối với xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**2. Nguyên tắc thực hiện (Điều 2)**

**-** Lấy người dân làm trung tâm trong việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, công bằng, đúng quy định pháp luật.

- Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường dân chủ ở cơ sở, vận động Nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, tại Quyết định 25/2021/QĐ-TTg đã không còn quy định *“Kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là tiêu chí đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới và phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”; là tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của chính quyền cấp xã*”. Việc bỏ quy định nêu trên đã góp phần tháo gỡ khó khăn, giúp UBND các cấp linh động hơn trong việc xác định căn cứ xem xét, tạo sự thống nhất khi thẩm định các xã về đích nông thôn mới theo quy định chung.

**3. Tiêu chí xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 3)**

Gồm 05 tiêu chí với 20 chỉ tiêu (*nội dung tiêu chí được sửa đổi, giảm 05 số lượng chỉ tiêu*). Theo đó đã kế thừa số lượng 05 tiêu chí và vị trí các tiêu chí được sắp xếp theo thứ tự khác, cụ thể:

**Tiêu chí 1:** Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn (*bổ sung thêm nội dung ban hành văn bản theo thẩm quyền*)

a) Chỉ tiêu 1: Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao;

\* Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho chính quyền cấp xã (nếu có).

\* Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

b) Chỉ tiêu 2: Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân.

\* Các văn bản hành chính do chính quyền cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản hành chính cho chính quyền cấp xã (nếu có).

\* Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính; đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân (nếu có).

**Lưu ý:** Văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp xã ban hành bao gồm: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao nhằm bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn trong một số lĩnh vực về kinh tế, đất đai, tài nguyên - môi trường, y tế, văn hóa, an sinh xã hội; dự toán, quyết toán ngân sách địa phương; chủ trương đầu tư chương trình, dự án của xã, phường, thị trấn trong phạm vi được phân quyền. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng công an cấp xã theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

**Tiêu chí 2:** Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật (*bổ sung thêm nội dung tiếp cận thông tin)*

a) Chỉ tiêu 1: Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

\* Các Danh mục thông tin đã được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành, đăng tải trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử cấp xã hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc hình thức phù hợp khác.

\* Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ xây dựng, đăng tải hoặc niêm yết các danh mục thông tin (đường link trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin.. ).

\* Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc công khai thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

b) Chỉ tiêu 2: Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin.

\* Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

\* Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

***Lưu ý:***Trình tự, thủ tục và thời hạn cung cấp thông tin thực hiện theo quy định tại Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 như sau:

*“Điều 29. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin*

*1. Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì người yêu cầu cung cấp thông tin được trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc yêu cầu cung cấp ngay bản sao, bản chụp tài liệu.*

*2. Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo cho người yêu cầu đến trụ sở để đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc nhận bản sao, bản chụp tài liệu hoặc có văn bản thông báo về việc từ chối cung cấp thông tin.*

*Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.*

*Điều 30. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua mạng điện tử*

*1. Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:*

*a) Thông tin được yêu cầu phải là thông tin thuộc tập tin có sẵn và có thể truyền tải qua mạng điện tử;*

*b) Cơ quan nhà nước có đủ điều kiện về kỹ thuật để cung cấp thông tin được yêu cầu qua mạng điện tử.*

*2. Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện bằng các cách thức sau đây:*

*a) Gửi tập tin đính kèm thư điện tử;*

*b) Cung cấp mã truy cập một lần;*

*c) Chỉ dẫn địa chỉ truy cập để tải thông tin.*

*3. Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.*

*4. Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản về thời hạn giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc có văn bản thông báo từ chối cung cấp thông tin.*

*Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.*

*Điều 31. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax*

*1. Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.*

*2. Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản về thời hạn giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc có văn bản thông báo từ chối cung cấp thông tin.*

*Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin*.”

c) Chỉ tiêu 3: Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật;

\* Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm đã được lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

\* Kế hoạch, văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn về nội dung, thời hạn ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

\* Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản, tài liệu triển khai các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch: Giấy mời tổ chức tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật, các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật được cấp phát (văn bản pháp luật, tờ gấp, tài liệu hỏi - đáp), các tin, bài, lịch phát sóng trên Đài truyền thanh cấp xã, đường link về nội dung liên quan trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử (nếu có)...

\* Văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan cấp trên.

\* Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ (nếu có).

d) Chỉ tiêu 4: Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở;

\* Văn bản, tài liệu triển khai các hoạt động thông qua hình thức, mô hình thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật: Kế hoạch tổ chức, giấy mời, tin bài viết về tổ chức mô hình, báo cáo, các tài liệu liên quan (nếu có).

\* Phiếu lấy ý kiến đánh giá của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện thôn, tổ dân phố trên địa bàn về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả.

\* Bản tổng hợp kết quả đánh giá hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở.

**Lưu ý:** hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở là hình thức, mô hình có từ 80% trở lên ý kiến của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện các thôn, tổ dân phố xác nhận mô hình đó hiệu quả, phù hợp trong truyền tải thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật, được triển khai trên toàn địa bàn, duy trì thường xuyên, liên tục và có khả năng nhân rộng.

 đ) Chỉ tiêu 5: Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.

\* Kế hoạch tổ chức tập huấn, giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn.

\* Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn.

\* Danh sách tuyên truyền viên pháp luật xác nhận tham dự.

\* Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn.

e) Chỉ tiêu 6: Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.

\* Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật.

\* Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

\* Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về phân bổ, bố trí, sử dụng kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, mức độ đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã phê duyệt.

**Tiêu chí 3:** Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý (*bổ sung thêm nội dung trợ giúp pháp lý*)

a) Chỉ tiêu 1: Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

\* Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở.

\* Văn bản hòa giải thành (nếu có).

\* Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở.

\* Báo cáo của Tổ trưởng Tổ hòa giải về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải.

b) Chỉ tiêu 2: Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

\* Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo Dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền.

\* Hồ sơ, tài liệu thực hiện chi kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, hòa giải viên.

\* Danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số [100/2014/TTLT-BTC-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/thong-tu-lien-tich-100-2014-ttlt-btc-btp-du-toan-quan-ly-quyet-toan-kinh-phi-hoa-giai-o-co-so-246522.aspx) hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Chỉ tiêu 3: Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý.

\* Danh sách thống kê người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định và người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng đã được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý.

*“Điều 7. Người được trợ giúp pháp lý*

*1. Người có công với cách mạng.*

*2. Người thuộc hộ nghèo.*

*3. Trẻ em.*

*4. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.*

*5. Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.*

*6. Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.*

*7. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính:*

*a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;*

*b) Người nhiễm chất độc da cam;*

*c) Người cao tuổi;*

*d) Người khuyết tật;*

*đ) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự;*

*e) Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;*

*g) Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;*

*h) Người nhiễm HIV.”*

Đồng thời tại Điều 2 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý hướng dẫn như sau:

*“ Điều 2. Điều kiện khó khăn về tài chính của người được trợ giúp pháp lý*

*Điều kiện khó khăn về tài chính của người được trợ giúp pháp lý quy định tại**khoản 7 Điều 7 của Luật Trợ giúp pháp lý là người thuộc hộ cận nghèo hoặc là người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật.”*

**Tiêu chí 4:** Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (*nội dung ghi rõ là xã, phường, thị trấn - trước đây chỉ sử dụng chung là “cơ sở”*)

a) Chỉ tiêu 1: Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

\* Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân.

\* Giấy mời hoặc thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị đã được phát trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử; gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo cho Nhân dân.

\* Báo cáo hoặc biên bản về kết quả tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân; hồ sơ, tài liệu phục vụ tổ chức hội nghị.

b) Chỉ tiêu 2: Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

\* Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp.

\* Giấy mời hoặc thông báo họp thôn, tổ dân phố (nếu có); biên bản của thôn, tổ dân phố hoặc bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình về kết quả đã được Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp.

\* Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp.

c) Chỉ tiêu 3: Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

\* Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết.

\* Giấy mời hoặc thông báo họp thôn, tổ dân phố (nếu có); biên bản của thôn, tổ dân phố hoặc bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình về kết quả đã được Nhân dân bàn, biểu quyết.

\* Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết.

d) Chỉ tiêu 4: Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

\* Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định.

\* Văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, giao nhiệm vụ lấy ý kiến Nhân dân (nếu có).

\* Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân.

\* Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung lấy ý kiến Nhân dân.

đ) Chỉ tiêu 5: Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

\* Kế hoạch giám sát.

\* Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

\* Các văn bản, tài liệu được Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp cho Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

**Lưu ý**: Các Kế hoạch do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành để triển khai các hoạt động tại chỉ tiêu 2, chỉ tiêu 3 và chỉ tiêu 4 của tiêu chí 4 được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành 01 (một) Kế hoạch chung để triển khai các nội dung trên thì vẫn được coi là tài liệu đánh giá, chấm điểm các chỉ tiêu 2, chỉ tiêu 3 và chỉ tiêu 4 của tiêu chí 4.

**Tiêu chí 5:** Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội (*tổng hợp lại các nội dung khác theo hướng tinh gọn, phù hợp hơn so với Quyết định 619/QĐ-TTg*)

a) Chỉ tiêu 1: Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo;

\* Hình ảnh về địa điểm tiếp công dân.

\* Nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân.

\* Quyết định hoặc văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân.

\* Sổ tiếp công dân hoặc thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân hoặc thông tin trên phần mềm quản lý tiếp công dân.

\* Văn bản hướng dẫn, trả lời kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo.

\* Báo cáo kết quả về tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo.

b) Chỉ tiêu 2: Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính.

\* Sổ theo dõi việc giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc số liệu được trích xuất từ hệ thống thông tin một cửa điện tử (đối với những xã, phường, thị trấn đã vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử).

c) Chỉ tiêu 3: Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

\* Quyết định kỷ luật hành chính/Quyết định khởi tố bị can đố với cán bộ, công chức của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật.

d) Chỉ tiêu 4: Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

**Lưu ý:** Để đánh giá chỉ tiêu này, UBND cấp xã sử dụng kết quả công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

\* Tổng số điểm tối đa của 05 tiêu chí xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là 100 điểm *.*

**4. Điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 4):**

Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi có đủ 03 điều kiện sau:

1. Tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 80 điểm trở lên; (*quy định chung cho các xã đạt từ 80 điểm trở lên, không còn quy định riêng cho từng loại đơn vị xã như trước -tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại I, từ 80% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại II và từ 70% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại III. Việc không phân cấp xã loại I, loại II, loại III nhằm đảm bảo sự thống nhất và công bằng cho người dân cả nước trong thụ hưởng quyền, lợi ích theo quy định của pháp luật*).

2. Tổng số điểm của từng tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên;

3. Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. (*trước đây quy định “trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra, nay được sửa đổi theo hướng tập trung vào trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã*).

Như vậy, điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định mới có 3 điều kiện, bỏ 01 điều kiện là “đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về thực hiện thủ tục hành chính”, bởi thực tiễn trong thời gian qua đã cho thấy việc thực hiện quy định này còn khá hình thức.

**5. Trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật** **(Điều 5):**

**5.1.** Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện hàng năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá.

**5.2.** Ủy ban nhân dân cấp xã tự chấm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu; niêm yết công khai kết quả tự chấm điểm, đánh giá; gửi hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) **trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề** sau năm đánh giá. (*tăng thời hạn tự đánh giá của cấp xã lên 05 ngày - trước quy định là ngày 05 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá; quy định nhằm bảo đảm cho các cơ quan thực hiện rà soát, đánh giá, xem xét kết quả và hồ sơ đề nghị công nhận được kỹ lưỡng, chất lượng*). Quy trình cụ thể như sau:

a) Các công chức chuyên môn cấp xã theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tự chấm điểm, tổng hợp kết quả; lấy ý kiến và tổng hợp kết quả đánh giá hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở; chuẩn bị tài liệu đánh giá; đề xuất giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu (nếu có);b) Xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu; thông tin, số liệu của Báo cáo đánh giá và Bản tổng hợp điểm số được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá, đối với chỉ tiêu 4 của tiêu chí 5 thì sử dụng kết quả công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an;c) Niêm yết công khai dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn ít nhất 05 (năm) ngày; đăng tải trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử trong thời hạn ít nhất 05 (năm) ngày hoặc thông báo trên Đài truyền thanh cấp xã (nếu có) ít nhất 03 (ba) lần trong thời hạn ít nhất 05 (năm) ngày;

d) Tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ, khách quan ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có) về Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu và các vấn đề khác liên quan đến việc chấm điểm, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

đ) Tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn. Cuộc họp do đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì. Thành phần cuộc họp bao gồm các công chức chuyên môn được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu; đại diện Công an cấp xã; đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Trưởng thôn, làng, bản, ấp, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn); Tổ trưởng tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là tổ dân phố);

e) Căn cứ kết quả cuộc họp, nếu xã, phường, thị trấn đáp ứng đầy đủ các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) đến Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

Đối với xã, phường, thị trấn chưa đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá để Phòng Tư pháp tổng hợp, lập danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**5.3.** Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật để tư vấn, thẩm định giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định công nhận và công bố xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của cấp huyện **trước ngày 10 tháng 02 của năm liền kề** sau năm đánh giá. (*sửa đổi tên gọi Hội đồng, tên trước là Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật; thời gian quy định tăng lên, quy định trước là trước ngày 25 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá*). Quy trình cụ thể như sau:

a) Phòng Tư pháp tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn; yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan (nếu có). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu chậm nhất trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;

b) Tổ chức cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng để tư vấn, thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn;

c) Căn cứ kết quả tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Phòng Tư pháp hoàn thiện hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Hồ sơ trình bao gồm: Hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn; Báo cáo thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật kèm theo biên bản cuộc họp hoặc Bản tổng hợp ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng (nếu không tổ chức cuộc họp); Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu của từng xã, phường, thị trấn do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định; dự thảo Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật kèm theo danh sách xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và công bố kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trước ngày 10 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá. Việc công bố kết quả thực hiện trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**5.4.** Hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm:

- Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu;

- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của tổ chức, cá nhân về kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu (nếu có);

- Văn bản đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

a) Các biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, bao gồm:

- Báo cáo đánh giá kết quả và đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu;

- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở.

b) Các biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện:

- Biên bản cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định;

- Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**Lưu ý:** Các biểu mẫu phục vụ báo cáo, theo dõi, quản lý xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) thực hiện gồm: Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn; Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức (Điều 6):**

Trách nhiệm của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân các cấp được rà soát, sắp xếp phù hợp, tập trung vào chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo, theo dõi, thi đua, khen thưởng; quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Tư pháp theo dõi, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc trách nhiệm và phạm vi quản lý; bổ sung nhiệm vụ của Bộ Tư pháp về xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong phạm vi cả nước; vai trò, trách nhiệm của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương được bổ sung nội dung phối hợp ới Bộ Tư pháp theo dõi, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong việc thực hiện tiêu chí thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

(*Ở địa phương: Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quy định này*).

**Kinh phí thực hiện (Điều 7)**

Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp hỗ trợ các hoạt động liên quan đến việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**Hiệu lực thi hành (Điều 8)**

- Quyết định có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 (thay thế Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật).

***(Lưu ý:*** *Việc tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ).*

**PHẦN BA: CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NÂNG CAO CHỈ TIÊU ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định mới, cần triển khai các giải pháp trọng tâm sau đây:

**1.** Bám sát và triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 396/KH-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và Kế hoạch của địa phương nhằm bảo đảm hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ.

Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và Nhân dân về ý nghĩa, vị trí, vai trò của công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Từ đó, thống nhất ý chí hành động, tăng cường thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ này.

**2.** Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác phối hợp thực hiện, giám sát công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

**3.** Các Sở, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chỉ đạo, đề ra giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật liên quan đến phạm vi quản lý, bảo đảm cấp cơ sở hoàn thành được các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật.

**4.** UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các xã, phường, thị trấn trong tổ chức thực hiện đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn.

Có giải pháp chỉ đạo quyết liệt và biện pháp đối với các đơn vị cấp xã chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định về đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

Phát huy hơn nữa vai trò của các thành viên và của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật trong tư vấn các nhiệm vụ theo quy định.

Xây dựng giải pháp cụ thể, thiết thực để nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật./.

**PHẦN BỐN: TOÀN VĂN QUYẾT ĐỊNH SỐ 25/2021/QĐ-TTg**

**NGÀY 22 THÁNG 7 NĂM 2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

|  |  |
| --- | --- |
| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ -------- | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------- |
| Số: 25/2021/QĐ-TTg | Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2021 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH VỀ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Quyết định này áp dụng đối với xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Lấy người dân làm trung tâm trong việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, công bằng, đúng quy định pháp luật.

3. Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường dân chủ ở cơ sở, vận động Nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

**Điều 3. Tiêu chí xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

1. Tiêu chí 1: Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn

a) Chỉ tiêu 1: Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao;

b) Chỉ tiêu 2: Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân.

2. Tiêu chí 2: Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật

a) Chỉ tiêu 1: Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

b) Chỉ tiêu 2: Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin;

c) Chỉ tiêu 3: Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật;

d) Chỉ tiêu 4: Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở;

đ) Chỉ tiêu 5: Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật;

e) Chỉ tiêu 6: Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Tiêu chí 3: Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý

a) Chỉ tiêu 1: Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

b) Chỉ tiêu 2: Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

c) Chỉ tiêu 3: Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý.

4. Tiêu chí 4: Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

a) Chỉ tiêu 1: Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương;

b) Chỉ tiêu 2: Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

c) Chỉ tiêu 3: Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

d) Chỉ tiêu 4: Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

đ) Chỉ tiêu 5: Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

5. Tiêu chí 5: Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

a) Chỉ tiêu 1: Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo;

b) Chỉ tiêu 2: Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính;

c) Chỉ tiêu 3: Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Chỉ tiêu 4: Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

6. Tổng số điểm tối đa của các tiêu chí xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là 100 điểm. Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung, điểm số và cách tính điểm của các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Điều này.

**Điều 4. Điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 80 điểm trở lên;

2. Tổng số điểm của từng tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên;

3. Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 5. Trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

1. Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện hàng năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tự chấm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu; niêm yết công khai kết quả tự chấm điểm, đánh giá; gửi hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật để tư vấn, thẩm định giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định công nhận và công bố xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của cấp huyện trước ngày 10 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá.

4. Hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm:

a) Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

b) Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu;

c) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của tổ chức, cá nhân về kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu (nếu có);

d) Văn bản đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

đ) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

5. Bộ Tư pháp hướng dẫn quy trình, biểu mẫu, tài liệu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

**Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức**

1. Bộ Tư pháp

a) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này trong phạm vi cả nước; hàng năm, tổng hợp kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức có liên quan theo dõi, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, chỉ đạo xử lý vi phạm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương theo thẩm quyền trong việc thực hiện Quyết định này;

c) Căn cứ điều kiện thực tế và kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong phạm vi cả nước, lựa chọn địa phương để tổ chức thực hiện đánh giá sự hài lòng của người dân về hiệu quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

d) Xây dựng tài liệu, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong phạm vi cả nước;

đ) Sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Tư pháp theo dõi, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc trách nhiệm và phạm vi quản lý.

3. Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức giám sát việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; phối hợp với Bộ Tư pháp theo dõi, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong việc thực hiện tiêu chí thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này tại địa phương; phân công cơ quan chuyên môn làm đầu mối theo dõi, tham mưu thực hiện; bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

b) Căn cứ kết quả thực tế của việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm, chỉ đạo các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

c) Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hoặc việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật không đúng quy định pháp luật;

d) Sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương;

đ) Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp về kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, các giải pháp bảo đảm tính thực chất, nâng cao hiệu quả công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và tổ chức kiểm tra, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong thực hiện Quyết định này tại địa phương.

**Điều 7. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện Quyết định này được bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tập trung bố trí kinh phí hỗ trợ xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã thuộc các huyện nghèo trong triển khai thực hiện Quyết định này từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp hỗ trợ các hoạt động liên quan đến việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Quyết định số [619/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/quyet-dinh-619-qd-ttg-2017-xay-dung-xa-phuong-thi-tran-dat-chuan-tiep-can-phap-luat-348636.aspx) ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Việc tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 tiếp tục thực hiện theo Quyết định số [619/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/quyet-dinh-619-qd-ttg-2017-xay-dung-xa-phuong-thi-tran-dat-chuan-tiep-can-phap-luat-348636.aspx) ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, PL (2). | **THỦ TƯỚNG      Phạm Minh Chính** |